

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 262/2018/DS - ST

Ngày: 27/8/2018

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Bình**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Hoàng Hoa.

Ông Châu Vũ Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đỗ Thanh Phong** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Minh Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2018/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 301/2018/QĐST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Trương Thị Thùy A**, sinh năm 1982.

Trú tại: ấp N, xã O, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: **Nguyễn Thị Thùy B**, sinh năm 1986.

Phan Hoàng C, sinh năm 1985.

Cùng trú tại: ấp N, xã O, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

(Chị A có mặt; anh C, chị B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn **Trương Thị Thùy A** trình bày:

Chị và anh **Phan Hoàng C**, chị **Nguyễn Thị Thùy B** là hàng xóm láng giềng. Vào ngày 08/8/2015 (âm lịch), chị B có hỏi mượn chị số tiền 60.000.000 đồng với mục đích trả nợ ngân hàng và mở rộng mua bán hàng hóa, có lập biên nhận mượn tiền và thỏa thuận chị B sẽ trả số tiền vay cho chị A trong thời hạn 02 tháng, không tính lãi. Khi giao tiền, không có mặt anh C tuy nhiên chị A cho rằng anh C biết được việc mượn tiền của chị B và việc mượn tiền cũng sử dụng

vào mục đích trả nợ chung, buôn bán của vợ chồng anh chị. Khoảng 02 tháng sau, chị A đến nhà chị B để đòi lại số tiền cho vay nhưng không có kết quả nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị Thùy B và anh Phan Hoàng C trả cho chị số tiền vay 60.000.000 đồng, trả làm 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật, chị không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn anh Phan Hoàng C, chị Nguyễn Thị Thùy B vắng mặt, mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị A.

**** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:***

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thụ lý việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466 Bộ luật dân sự, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn Phan Hoàng C, Nguyễn Thị Thùy B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh C, chị B.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Chị A khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Thùy B và anh Phan Hoàng C trả số tiền 60.000.000 đồng, yêu cầu trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, chị A cung cấp cho Tòa án 01 biên nhận nợ viết bằng giấy tập học sinh bằng màu mực xanh dạ quang với nội dung: “*tôi tên Nguyễn Thị Thùy B, ấp N, xã O, CG, TG. Ngày 8/08/ em có mượn C. A 60.000.000đồng hai tháng sau trả đủ...*”. Tại chữ số “60” của số 60.000.000đồng được thể hiện bằng màu mực khác so với các chữ, số còn lại. Chị A khai do chữ số “60” gốc bị lem mực nên chị B đã tự sửa lại bằng màu mực khác. Trong quá trình giải quyết vụ kiện, chị A không yêu cầu trưng cầu giám định đối với việc sửa đổi chữ số “60”.

Chị A cho rằng tại biên bản làm việc ngày 22/6/2016 của Công an xã O, huyện X, chị B cũng đã thừa nhận có vay của chị số tiền 60.000.000 đồng. Qua quá trình thu thập chứng cứ, nhận thấy tại biên bản làm việc ngày 22/6/2016 của Công an xã O không thể hiện nội dung việc chị B thừa nhận có mượn của chị A số tiền 60.000.000 đồng và không thể hiện chữ số “60” là do chị B sửa, chị A cũng không có chứng cứ nào khác chứng minh việc sửa chữ số “60” khác màu mực là do chị B thực hiện.

Theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự: Tại khoản 5 Điều 70 về Quyền và nghĩa vụ của đương sự như sau “*Cung cấp tài liệu, chứng cứ; chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình*”; tại khoản 1, khoản 4 Điều 91 về Nghĩa vụ chứng minh như sau “*Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp*” và “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án*”.

Từ những nhận định trên, chứng cứ mà nguyên đơn chị Trương Thị Thùy A đưa ra chưa đủ để chứng minh sự việc chị Nguyễn Thị B, anh Phan Hoàng C có vay của chị số tiền 60.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Thùy A là có căn cứ.

Xét lời phát biểu của Viện kiểm sát là có cơ sở để được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện chị A không được chấp nhận nên chị phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Thùy A về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Thùy B, anh Phan Hoàng C trả số tiền 60.000.000 đồng.

Về án phí: Chị Trương Thị Thùy A phải chịu 3.000.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào 1.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 00014624 ngày 18/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X. Như vậy chị A còn phải nộp tiếp số tiền 1.500.000 đồng.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm, đối với đương sự vắng mặt chị B, anh C tính từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./

*** Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Phan Thanh Bình